

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HUẾ
TỈNH THỪA THIÊN HUẾ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **44/2023/HS-ST**
Ngày 24 - 02 - 2023

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HUẾ, TỈNH THỪA THIÊN HUẾ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Ngô Văn Nam.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Trần Thị Thanh Xuân.

Bà Hoàng Hải Yến.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Huyền – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Huế.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Huế tham gia phiên tòa: Ông Trần Đình Thế - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 02 năm 2023, tại trụ sở, Tòa án nhân dân thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 332/2022/TLST-HS ngày 27 tháng 12 năm 2022 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 25/2023/QĐXXST-HS ngày 10 tháng 02 năm 2023 đối với các bị cáo:

1. Phan Thị T (Tên gọi khác: Không), sinh ngày 28/07/1966 tại tỉnh Thừa Thiên Huế; nơi cư trú: Kiệt 28 đường D, phường T, thị xã H, tỉnh Thừa Thiên Huế; nghề nghiệp: Buôn bán; trình độ văn hóa: Không biết chữ; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Phan Văn N và bà Nguyễn Thị M (Đều đã chết); chồng: Chung sống như vợ chồng với Hồ Xuân Đức T11; con: Có 01 con, sinh năm 1990; tiền án, tiền sự: Không;

Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú; có mặt tại phiên tòa.

2. Hồ Xuân Đức T1 (Tên gọi khác: C), sinh ngày 15/01/1985 tại tỉnh Thừa Thiên Huế; nơi cư trú: Kiệt 28 đường D, phường T, thị xã H, tỉnh Thừa Thiên Huế; nghề nghiệp: Phụ thợ hồ; trình độ văn hóa: Không biết chữ; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Hồ Xuân H (đã chết) và bà Lê

Thị H1; vợ: Chung sống như vợ chồng với Phan Thị T; con: Không có; tiền án, tiền sự: Không;

Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú; có mặt tại phiên tòa.

- Bị hại: DNTN hiệu vàng K.N.D.M – Người đại diện theo pháp luật: Bà Trần Duy Hoàng N1, sinh năm 1993 – Chủ DNTN; Địa chỉ: 157 H, phường A, thành phố H; vắng mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: DNTN hiệu vàng H.Đ; Địa chỉ: Chợ Đ, thành phố Hu; vắng mặt.

- Người làm chứng:

+ Bà Phan Thị Kim P; vắng mặt.

+ Bà Nguyễn Thị Diệu H2; vắng mặt.

+ Anh Phạm Đình D1; vắng mặt.

+ Anh Phan Văn T2; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Phan Thị T và Hồ Xuân Đức T1 không đăng ký kết hôn nhưng chung sống với nhau như vợ chồng. Sáng ngày 18/5/2022, T1 điều khiển xe mô tô biển số 75G1-385.31 chở T đi đến tiệm vàng K.N.D.M tại số 157 H, phường A, thành phố H do chị Trần Duy Hoàng N1 làm chủ để mua nhẫn đeo tay. Khi vào trong tiệm vàng, T1 và T được chị N1 đưa cho xem một chiếc nhẫn đeo tay nam bằng vàng tây (loại 18k) có gắn đá màu vàng. T1 lấy chiếc nhẫn nêu trên đeo vào ngón tay để thử nhưng không vừa ý nên T1 tháo chiếc nhẫn ra rồi đưa cho T. T cầm chiếc nhẫn trên tay, quan sát không thấy nhân viên của tiệm vàng nên lén lút cất giấu vào trong người. Thấy vậy, T1 nhìn xung quanh trong tiệm vàng có camera nên T1 nói với T: “*Có camera đó*”. Tuy nhiên, T không nói gì và T cũng không ngăn cản T. Một lúc sau, chị Nguyễn Thị Diệu H2 là nhân viên tiệm vàng đi tới thì T và T1 không trả lại chiếc nhẫn mà chị N1 đã đưa cho xem trước đó mà yêu cầu chị H2 lấy cho xem chiếc nhẫn khác. Chị H2 đưa cho T1 và T xem một chiếc nhẫn bằng vàng tây, có gắn đá màu đỏ. Sau khi xem xong, T1 và T đồng ý mua với giá 4.670.000 đồng và đến gặp chị N1 để viết hóa đơn thanh toán tiền rồi ra về. T1 điều khiển xe mô tô chở T về lại phòng trọ và cất giấu chiếc nhẫn vừa chiếm đoạt được. Khoảng 01 đến 02 ngày sau, T1 điều khiển xe mô tô chở T đến tiệm vàng H.Đ ở chợ Đ, thành phố H do chị Phan Thị Kim P làm chủ và bán chiếc nhẫn vàng đã lấy trộm ở tiệm vàng K.N.D.M trước đó với giá 4.500.000 đồng. Số tiền bán vàng được, T1 và T sử dụng trả tiền thuê phòng trọ và tiêu xài cá nhân hết.

Ngày 17/6/2022, cơ quan cảnh sát điều tra công an thành phố Huế có văn bản số 134/YC-CQĐT-ĐTTH yêu cầu Hội đồng định giá trong tố tụng hình sự định giá tài sản qua hồ sơ đối với chiếc nhẫn mà T và T1 đã chiếm đoạt nhưng không định giá được. Ngày 21/9/2022, cơ quan cảnh sát điều tra công an thành phố Huế tiếp tục có công văn số 1539/CQĐT-ĐTTH yêu cầu Hội đồng định giá trong tố tụng hình sự tiến hành định giá qua các dữ liệu như hình ảnh chiếc nhẫn bị chiếm đoạt, phiếu báo giá, phiếu khảo sát giá. Tuy nhiên, tại công văn số 1733/TCKH-HĐĐG ngày 29/9/2022 của Hội đồng định giá trong tố tụng hình sự thành phố Huế xác định: Tài sản là kim loại vàng không thu giữ được, không có kết luận giám định hàm lượng, số lượng và trọng lượng kim loại vàng của cơ quan chức năng theo quy định nên không có cơ sở để tính giá trị kim loại vàng.

Trên cơ sở hóa đơn mua vàng đối với chiếc nhẫn tương tự (chỉ khác màu mặt đá mà T và T1 đã mua từ tiệm vàng K.N.D.M) và giá trị chiếc nhẫn mà T và T1 đã bán cho tiệm vàng H.Đ. Từ đó làm căn cứ xác định giá trị chiếc nhẫn mà T và T1 đã chiếm đoạt của tiệm vàng K.N.D.M là 4.500.000 đồng.

Về vật chứng thu giữ trong vụ án:

- Thu giữ của Hồ Xuân Đức T1: 01 (một) xe mô tô hiệu Yamaha loại Sirius, biển số 75G1-385.31 màu đỏ đen, số máy B32VF087504, số khung 3740KY030204 (xe đã qua sử dụng); 01 (một) bản phô tô giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô biển số 75G1-385.31; 01 (một) nhẫn bằng kim loại màu vàng, dạng tròn, phía trên mặt có gắn đá màu đỏ, mặt trong có khắc chữ KN; 01 (một) hóa đơn bảo đảm đề ngày 18/5/2022 mang tên hiệu vàng K.N.D.M;

- Thu giữ của Phan Thị T: 01 (một) phiếu kết quả siêu âm số 22100114 đề ngày 21/10/2022; 01 (một) bản phô tô sổ khám chữa bệnh;

- Thu giữ của chị Trần Duy Hoàng N1: 01 (một) đĩa CD bên trong chứa nội dung camera liên quan đến vụ trộm xảy ra ngày 18/5/2022 tại tiệm vàng K.N.D.M; 01 (một) hóa đơn bảo đảm của cửa hàng hiệu vàng K.N.D.M; 01 (một) bản phô tô giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 3301493435 đề ngày 17/9/2012; 01 (một) tấm ảnh có hình chiếc nhẫn màu vàng.

Về xử lý vật chứng: Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố Huế đã trả lại 01 chiếc nhẫn cho Hồ Xuân Đức T1.

Về trách nhiệm dân sự: Phan Thị T và Hồ Xuân Đức T1 đã bồi thường cho bị hại số tiền 5.000.000 đồng. Bị hại không có yêu cầu gì thêm.

Tại bản cáo trạng số 14/CT-VKSTPH ngày 26/12/2022, Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế đã truy tố các bị cáo Phan Thị T và Hồ Xuân Đức T1 về tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Huế thực hành quyền công tố tại

phiên tòa vẫn giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 173; các điểm b, h, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự, xử phạt:

Bị cáo Phan Thị T từ 08 tháng đến 09 tháng tù.

Bị cáo Hồ Xuân Đức T1 từ 06 tháng đến 07 tháng tù.

Về vật chứng: Bị cáo T đã sử dụng chiếc xe này vào việc phạm tội nên đề nghị Hội đồng xét xử tịch thu sung công vào ngân sách nhà nước.

Về án phí: Đề nghị Hội đồng xét xử buộc các bị cáo phải chịu án phí hình sự theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa, các bị cáo Phan Thị T và Hồ Xuân Đức T1 đều thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình và đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

Bị hại có đơn đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về quyết định, hành vi tố tụng: Quá trình điều tra, truy tố và xét xử, không ai có ý kiến hay khiếu nại gì về các quyết định, hành vi tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người có thẩm quyền tiến hành tố tụng. Các hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Cơ quan Cảnh sát điều tra, Kiểm sát viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Huế trong quá trình điều tra, truy tố và xét xử tại phiên tòa đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự.

[2] Về hành vi phạm tội của các bị cáo, Hội đồng xét xử thấy rằng:

Tại phiên tòa hôm nay, các bị cáo Phan Thị T và Hồ Xuân Đức T1 đã thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình; lời nhận tội của các bị cáo phù hợp với lời khai của bị hại và các tài liệu, chứng cứ thu thập được có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa. Do đó, có đủ cơ sở để kết luận:

Sáng ngày 18/5/2022, tại hiệu vàng K.N.D.M ở số 157 H, phường A, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế, lợi dụng việc thử nhẫn vàng đeo tay và sự sơ hở trong quản lý tài sản, Phan Thị T và Hồ Xuân Đức T1 đã lén lút chiếm đoạt một chiếc nhẫn đeo tay nam bằng vàng tây (loại 18k) có gắn đá màu vàng trị giá 4.500.000 đồng của Doanh nghiệp tư nhân hiệu vàng K.N.D.M. Với hành vi này, các bị cáo Phan Thị T và Hồ Xuân Đức T1 đã phạm vào tội Trộm cắp tài sản theo quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật hình sự. Do đó, Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế truy tố các bị cáo tại bản cáo trạng số 14/CT-VKSTPH ngày 26/12/2022 là có căn cứ và đúng pháp luật.

[3] Xét tính chất, mức độ hành vi phạm tội của các bị cáo, Hội đồng xét xử thấy rằng:

Các bị cáo Phan Thị T và Hồ Xuân Đức T1 đều là người có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức được tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ, mọi hành vi xâm phạm bất hợp pháp đến quyền sở hữu tài sản của người khác đều bị xử lý theo quy định của pháp luật. Tuy nhiên, chỉ vì tham lam nên các bị cáo vẫn cố ý lén lút chiếm đoạt nhân vàng của bị hại. Hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của công dân nên các bị cáo phải chịu hình phạt tương xứng với tính chất và mức độ của hành vi phạm tội đã gây ra.

Vụ án có đồng phạm nhưng mang tính giản đơn, trước khi thực hiện hành vi phạm tội, các bị cáo không có sự bàn bạc, phân công nhiệm vụ với nhau. Tuy nhiên, Hội đồng xét xử xét cũng cần phải xem xét đánh giá đến mức độ và hành vi phạm tội của mỗi bị cáo đã gây ra nhằm áp dụng đúng mức hình phạt đối với từng bị cáo trong vụ án, cụ thể:

Bị cáo Phan Thị T là người trực tiếp thực hiện hành vi trộm cắp tài sản nên phải chịu trách nhiệm chính trong vụ án. Bị cáo Hồ Xuân Đức T1 dù biết bị cáo T lén lút chiếm đoạt tài sản nhưng không ngăn cản, đồng thời trực tiếp sử dụng và điều khiển xe mô tô của mình chở bị cáo T chạy thoát rồi chở đi tiêu thụ và cùng sử dụng số tiền bán tài sản đã chiếm đoạt được nên bị cáo T là người giúp sức tích cực và phải chịu trách nhiệm chung trong vụ án nhưng với vai trò thấp hơn bị cáo T.

[4] Xét về nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của các bị cáo, thấy rằng: Các bị cáo Phan Thị T và Hồ Xuân Đức T1 đều có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự; khi thực hiện hành vi phạm tội, các bị cáo không phạm vào tình tiết tăng nặng nào và đều không biết chữ nên nhận thức về pháp luật còn hạn chế. Quá trình điều tra và tại phiên tòa hôm nay, các bị cáo đã thành khẩn khai báo; phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; phạm tội nhưng gây thiệt hại không lớn; đã tự nguyện bồi thường toàn bộ thiệt hại và bị hại có yêu cầu xin giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo. Với các tình tiết nêu trên và các bị cáo đều có nơi cư trú rõ ràng nên Hội đồng xét xử xét thấy không cần thiết phải cách ly bị cáo ra khỏi xã hội mà cho các bị cáo được hưởng án treo thì cũng không gây nguy hiểm cho xã hội mà cũng đủ tác dụng trừng trị, răn đe và phòng ngừa chung.

[5] Về trách nhiệm dân sự: Bị hại là Doanh nghiệp tư nhân hiệu vàng K.N.D.M đã được bồi thường toàn bộ và không có yêu cầu gì thêm nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về xử lý vật chứng: Bị cáo Hồ Xuân Đức T1 đã sử dụng xe mô tô biển số 75G1-385.31 chở bị cáo T chạy thoát khỏi hiện trường sau khi chiếm đoạt được tài sản, đồng thời sử dụng chiếc xe này để đi tiêu thụ tài sản phạm tội. Do đó, Hội đồng xét xử xét cần tịch thu chiếc xe này để sung công vào ngân sách nhà nước.

[7] Về án phí: Buộc các bị cáo Phan Thị T và Hồ Xuân Đức T1 phải chịu án phí hình sự theo luật định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 173; các điểm b, h, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 65; Điều 47 của Bộ luật Hình sự (sửa đổi, bổ sung năm 2017); Điều 106; khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Tuyên bố:

Các bị cáo Phan Thị T và Hồ Xuân Đức T1 phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

Xử phạt bị cáo Phan Thị T 07 (Bảy) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 14 (Mười bốn) tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Xử phạt bị cáo Hồ Xuân Đức T1 06 (Sáu) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 12 (Mười hai) tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao các bị cáo Phan Thị T và Hồ Xuân Đức T1 cho Ủy ban nhân dân phường T, thị xã Hương Thủy, tỉnh Thừa Thiên Huế giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách án treo. Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 92 Luật Thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, nếu người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật Thi hành án hình sự 02 lần trở lên, thì Tòa án có thể quyết định buộc người đó phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo. Trường hợp thực hiện hành vi phạm tội mới thì Tòa án buộc người đó phải chấp hành hình phạt của bản án trước và tổng hợp với hình phạt của bản án mới theo quy định tại Điều 56 của Bộ luật hình sự.

2. Về xử lý vật chứng:

Tịch thu sung công vào ngân sách Nhà nước 01 xe mô tô hiệu Yamaha Sirius màu đỏ đen, số máy E32VE087504, số khung 3740KY030204, biển số 75G1-385.31 của bị cáo Hồ Xuân Đức T1.

Tình trạng vật chứng như biên bản giao nhận vật chứng giữa cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Huế và chi cục Thi hành án dân sự thành phố Huế lập ngày 27/12/2022.

3. Về án phí: Buộc các bị cáo Phan Thị T và Hồ Xuân Đức T1, mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Bị cáo, bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Đối với

những người vắng mặt có quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh TT – Huế (Phòng KTNV&THA);
- Phòng PV06 Công an tỉnh TT – Huế;
- Sở Tư pháp tỉnh TT – Huế;
- VKSND thành phố Huế;
- Công an thành phố Huế (Phòng HTTP&THAHS);
- Chi cục THADS thành phố Huế;
- UBND phường T, TX. H;
- Các bị cáo;
- Bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan;
- Lưu HSVA, Tòa HS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Ngô Văn Nam